

Số: 43/BC-UBND

Chí Linh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính Trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2025, triển khai nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân phường Chí Linh năm 2026

Thực hiện công văn số 02-CV/BCĐ, ngày 23 tháng 1 năm 2026 của Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Đảng ủy phường Chí Linh về việc báo cáo kết quả công tác chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025; triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2026. Ủy ban nhân dân phường Chí Linh báo cáo kết quả thực hiện công tác chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025; triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chí Linh năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số của phường được triển khai quyết liệt, đồng bộ và bám sát các văn bản của Trung ương, Thành phố. UBND phường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch trọng tâm như:

Phương án số 01/PA-UBND, ngày 10/7/2025 về việc hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý tình huống thường gặp trong triển khai chuyển đổi số.

- Phương án số 02/PA-TTPVHCC, ngày 10/7/2025 về việc xử lý tình huống gián đoạn hoạt động tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (mất điện, mất mạng, thiếu giấy tờ, phương tiện hỗ trợ...).

- Kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 15/7/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn phường Chí Linh.

- Quyết định số 63/QĐ-UBND, ngày 17/7/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 phường Chí Linh.

- Quyết định số 445/QĐ-UBND, ngày 31/7/2025 về việc thành lập Tổ Ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính phường Chí Linh.

- Kế hoạch số 19/KH-UBND, ngày 11/8/2025 về việc Triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn phường Chí Linh.

- Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 21/8/2025 về việc tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đến năm 2030 trên địa bàn phường Chí Linh.

- Kế hoạch số 50/KH-UBND, ngày 04/9/2025 về việc Kế hoạch hành động Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương (thực hiện các nhiệm vụ đột phá về chuyển đổi số từ 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025).

- Kế hoạch số 51/KH-UBND, ngày 04/9/2025 về việc Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước phường Chí Linh 6 tháng cuối năm 2025.

- Quyết định số 592/QĐ-UBND, ngày 17/9/2025 về việc thành lập Tổ triển khai công nghệ số cộng đồng phường Chí Linh.

- Quyết định số 593/QĐ-UBND, ngày 17/9/2025 về việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại các Tổ dân phố trên địa bàn phường Chí Linh.

- Quyết định số 599/QĐ-UBND, ngày 18/9/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND phường Chí Linh.

- Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 19/9/2025 về việc áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND phường Chí Linh năm 2025.

- Kế hoạch số 75/KH-UBND, ngày 26/9/2025 về việc Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ trên địa bàn phường phường Chí Linh.

- Công văn số 769/UBND-VHXXH, ngày 30/9/2025 về việc tuyên truyền hưởng ứng Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia 01-10.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 08/10/2025 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia 10/10 năm 2025 trên địa bàn phường Chí Linh.

- Công văn số 907/UBND-VHXXH, ngày 13/10/2025 về việc triển khai phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

- Công văn số 921/UBND-VHXXH, ngày 14/10/2025 về việc hưởng ứng cuộc thi “Công dân số Hải Phòng - sử dụng thông minh, sống an toàn” và triển khai cài đặt ứng dụng Smart Hải Phòng.

- Kế hoạch số 95/KH-UBND, ngày 15/10/2025 về việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/CP của Chính phủ trên địa bàn phường Chí Linh.

- Công văn số 968/UBND-VHXXH, ngày 20/10/2025 về việc triển khai tổ chức “Ngày hội toàn dân học tập số” tại thành phố Hải phòng.

- Kế hoạch số 120/KH-UBND, ngày 11/11/2025 về việc Triển khai “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến

tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia.vn” giai đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn phường Chí Linh.

- Quyết định số 810/QĐ-UBND, ngày 14/11/2025 về việc Ban hành “Chính sách chất lượng” năm 2025 thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND phường Chí Linh.

- Kế hoạch số 139/KH-UBND, ngày 10/12/2025 về việc Triển khai thi hành Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kết quả thực hiện các nội dung của NQ 57 trong năm 2025

2.1. Phát triển hạ tầng số

Các phần mềm, hệ thống: 100% cán bộ, công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành điện tử liên thông. Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt 100% sử dụng chữ ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật); trong năm 2025 Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp phần mềm bản quyền MS Office cho UBND phường số lượng 10 key để phục vụ cài đặt cho 50 máy tính.

Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ: Hệ thống dịch vụ công đã tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, cho phép công dân, doanh nghiệp sử dụng một tài khoản duy nhất (tài khoản VNeID). Tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí được triển khai qua ngân hàng, ví điện tử, QR code. Thực hiện triển khai nhiều dịch vụ công liên thông.

Sử dụng các nền tảng phục vụ công việc và người dân: Tổng đài 1022 tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; hệ thống quản lý văn bản điện tử HpNet; hệ thống quản lý cán bộ, công chức; hệ thống quản lý, tổng hợp báo cáo thành phố Hải Phòng; mail công vụ; hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Hải Phòng; hệ thống dữ liệu hộ tịch điện tử; Cổng thông tin điện tử phường; Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

Hạ tầng phần cứng: 100% các phòng chuyên môn, các cán bộ công chức UBND phường được trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet tốc độ cao; trang bị máy in, máy scan cho các phòng chuyên môn đảm bảo phục vụ công việc điện tử, số hóa.

Đầu tư trang thiết bị năm 2025: UBND phường đã mua mới trang thiết bị cho cán bộ công chức, viên chức, Trung tâm phục vụ hành chính công và Hội trường để phục vụ công việc và nhân dân, doanh nghiệp, cụ thể:

Tại UBND phường: Trang bị máy tính để bàn 17 bộ; laptop 01 máy; máy in 02

máy; máy scan 02 máy và trang bị hệ thống màn hình LED, thiết bị âm thanh phục vụ hội nghị tại hội trường lớn.

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường: Trang bị máy tính 04 bộ; máy scan 01 máy; máy scan A3 01 máy; Kiosk lấy số thứ tự tự động và các phụ kiện 01 hệ thống; màn hình hiển thị số thứ tự tập trung 01 chiếc; màn hình hiển thị số thứ tự tại quầy 07 chiếc; hệ thống Loa thông báo số thứ tự 01 hệ thống; Kiosk tra cứu thông tin kết hợp đánh giá mức độ hài lòng 01 chiếc; bàn ký điện tử 01 chiếc; máy scan phục vụ công dân 01 máy; máy tính phục vụ công dân tự số hóa, nộp hồ sơ trực tuyến 02 bộ; máy điều hòa 01 chiếc.

Công tác rà soát và duy trì: UBND phường đã chủ động rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm phục vụ hành chính công để kịp thời đề xuất bổ sung trang thiết bị thiết yếu (máy tính, máy in, thiết bị lấy số, camera giám sát...) nhằm đảm bảo điều kiện phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Hạ tầng mạng và kết nối: Hệ thống mạng ổn định, UBND phường đã triển khai tách riêng mạng nội bộ (LAN/Wifi) dành cho cán bộ, công chức, viên chức, không sử dụng chung với mạng phục vụ người dân, doanh nghiệp (hiện tại toàn bộ thiết bị phát sóng wifi phục vụ người dân được tách biệt hoàn toàn). Hệ thống hợp trực tuyến đã triển khai đảm bảo thông suốt, cơ bản ổn định theo hướng dẫn của thành phố.

UBND phường đã lắp đặt 02 hệ thống đường truyền mạng riêng biệt để phục vụ hoạt động Trung tâm và phục vụ người dân đến thực hiện các thủ tục. Nhìn chung, hạ tầng mạng cơ bản hoạt động thông suốt thông suốt.

Trong giai đoạn tiếp theo, UBND phường sẽ phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp viễn thông tiếp tục rà soát, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng để **tăng cường** xây dựng hạ tầng viễn thông, hạ tầng số và nâng cấp sóng 5G phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2.2. Phát triển nguồn lực

- Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách phường năm 2025 là 1.665.600.000 đồng, đạt 1.12% (so với tổng chi ngân sách phường năm 2025 là 151.683.161.778 đồng).

- Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đạt 100%. Cán bộ công chức, viên chức phường đã tham gia đầy đủ các khóa đào tạo cơ bản về chuyển đổi số qua ứng dụng học trực tuyến đại trà MOOC, qua nền tảng “Bình dân học vụ số”, daotaotruoctuyen.haiphong.gov.vn theo kế hoạch của thành phố, tham gia lớp tập

huấn về trí tuệ nhân tạo AI của học viện trực tuyến Việt Nam, tập huấn kiến thức chuyên đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai:

UBND phường đã đẩy mạnh tuyên truyền, hưởng ứng tham gia cuộc thi “Công dân số - Sử dụng thông minh, sống an toàn” đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn. Kết quả tham gia cuộc thi “Công dân số Hải Phòng - Sử dụng thông minh, sống an toàn” của phường Chí Linh có số lượng thí sinh đăng ký: 2.890 người, xếp hạng 23 toàn thành phố; Số lượt làm bài: 2.585 lượt, xếp hạng 19; Số thí sinh hoàn thành đầy đủ bài thi: 1.662 người, xếp hạng 24; Tỷ lệ hoàn thành: 57,5%; Tỷ lệ người tham gia so với dân số phường: 9,04%; 100% cán bộ, công chức, viên chức của UBND phường tham gia cuộc thi và đạt kết quả cao; Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đạt 80%.

- Chuyển đổi số trong giáo dục: Cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên 8/8 trường đạt 100%; tỷ lệ giáo dục mầm non và cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức độ 2 trở lên 4/4 trường đạt 100% (03 trường mầm non công lập, 01 trường mầm non tư thục); Các nhà trường triển khai thực hiện ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số, sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, kế toán, kho bạc trực tuyến (đạt tỷ lệ 100%). Nhà trường đưa nội dung giáo dục năng lực số vào kế hoạch bài dạy, giáo viên giảng dạy lồng ghép vào các môn học và hoạt động giáo dục; triển khai giáo viên xây dựng bài giảng E-Learning, bài giảng điện tử; áp dụng mô hình dạy học tích hợp, dạy học dự án, dạy học STEM, có các đề tài, dự án tham gia cuộc thi KHKT cấp thành phố ở khối THCS; Tổ chức tiết dạy học với thiết bị thí nghiệm, mô hình STEM... lắp đặt, nâng cấp hệ thống mạng internet, wifi trong nhà trường và các lớp học, duy trì hệ thống website của các nhà trường.

(Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển nguồn lực chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2.3. Phát triển khoa học công nghệ

Ủy ban nhân dân phường đã xác định mục tiêu phấn đấu phát triển khoa học và công nghệ trong các giai đoạn 5 năm từ 2025 đến 2045, tập trung vào việc nâng cao đội ngũ cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học-công nghệ, thu hút doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng như thúc đẩy ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ các viện, trường và doanh nghiệp trên địa bàn. Tuy nhiên, do phường mới sáp nhập và hiện chưa có các điều kiện nền tảng cần thiết để triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ trong năm 2025 nên các mục tiêu này sẽ được tiếp tục thực hiện và hoàn thiện trong các giai đoạn tiếp theo.

2.4. Phát triển chuyển đổi số

Ủy ban nhân dân phường đã triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất từ TW đến địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền và hỗ trợ người dân kích hoạt định danh điện tử mức độ 2; tuyên truyền hỗ trợ hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; cải thiện chất lượng phục vụ người dân, thúc đẩy ứng dụng công nghệ

thông tin vào công việc và đời sống cộng đồng. Trong đó chú trọng đến việc đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường mạng qua cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống một cửa điện tử. Hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình tại Trung tâm phục vụ hành chính công và qua Tổ Công nghệ số cộng đồng. Tăng cường sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong xác thực khi nộp hồ sơ trực tuyến.

Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số, cải cách hành chính đến người dân qua nhiều hình thức: tuyên truyền trực quan qua hệ thống băng rôn, khẩu hiệu, tờ rơi; tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh phường, công thông tin điện tử phường <https://chilinh.haiphong.gov.vn>, qua fanpage của phường và triển khai phát động các ngành đoàn thể ra quân hướng dẫn hội viên, đoàn viên và người dân tham gia khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”, đẩy mạnh vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng trực tuyến để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến... tại Trung tâm phục vụ hành chính công và tại cộng đồng Tổ dân phố.

Cơ sở dữ liệu được xây dựng, lưu trữ điện tử, đảm bảo liên thông và tra cứu thông tin của người dân thuận tiện, chính xác. Một số lĩnh vực như hộ tịch, chứng thực, đất đai... được quản lý trên hệ thống phần mềm chuyên ngành, hỗ trợ đối chiếu, giảm sai sót. Từng bước hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ xử lý công việc.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng dân số trên địa bàn phường là 31.459 người. Công tác thu nhận hồ sơ cấp Căn cước và định danh điện tử đạt kết quả tích cực: Tổng số công dân đã được cấp thẻ Căn cước là 25.506 trường hợp, đạt tỷ lệ 81,08% dân số. Về tài khoản định danh điện tử, toàn phường đã kích hoạt thành công 21.628 tài khoản mức độ 2, chiếm tỷ lệ 84,80% so với số công dân đã có thẻ Căn cước và đạt 68,75% so với tổng dân số, góp phần quan trọng trong việc tạo lập công dân số và đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 60%.

Trung tâm phục vụ hành chính công phường thường xuyên cập nhật kịp thời áp dụng thực hiện các thủ tục hành chính theo các văn bản của cơ quan cấp trên và tổ chức niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cho tổ chức và cá nhân nắm được; Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường (Số liệu tính đến ngày 31/12/2025) là 377 thủ tục hành chính chia theo mức độ cụ thể như sau:

- + DVC trực tuyến toàn trình: 218 TTHC;
- + DVC trực tuyến một phần: 160 TTHC;
- Tổng hồ sơ tiếp nhận: 7.569 hồ sơ. Trong đó Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 7.517 đạt tỷ lệ 99,31%.

+ Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến của phường đạt 86,98% (số hồ sơ nộp trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận là 6.578/7.569 hồ sơ).

- Số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến phi địa giới: 0 hồ sơ.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến thường đạt 90,61%.
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống của phường đạt 100% (chỉ tiêu giao = 100%).
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (chỉ tiêu giao = 100%).

(Kết quả thực hiện mục tiêu phát triển chuyển đổi số chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND phường được giao trên hệ thống theo dõi báo cáo NQ57 của trung ương

- Giai đoạn 1: 16/16 nhiệm vụ đã hoàn thành.
- Giai đoạn 2: 34/34 nhiệm vụ đã hoàn thành.
- Tổng số có 52 nhiệm vụ được giao (tiến độ có thể theo dõi trên trang <https://theodoinq.dcs.vn>), trong đó:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành 52, tỷ lệ 100%, trong đó: 52 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, 0 nhiệm vụ hoàn thành quá hạn.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn 52, tỷ lệ 100%.

+ Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành 0, tỷ lệ 0% (nêu rõ nội dung nhiệm vụ, kết quả đã thực hiện, lộ trình, kế hoạch thực hiện và dự kiến thời gian hoàn thành).

- Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi trong Kế hoạch đã ban hành về tiến độ, về mục tiêu, về sản phẩm, về hiệu quả.

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Về cơ chế và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCCN

Do phường mới thực hiện sáp nhập, các điều kiện nền tảng và cơ chế đặc thù để triển khai các nhiệm vụ phát triển Khoa học & Công nghệ (KHCCN) cấp xã còn lúng túng, chưa có tiền lệ, dẫn đến việc chưa triển khai được các đề tài, dự án KHCCN cụ thể trong năm 2025.

2. Về cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng số và trang thiết bị chưa đồng bộ, hệ thống mạng nội bộ hoạt động thiếu ổn định, đôi lúc chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý công việc nhanh và liên tục.

Hạ tầng lưu trữ và quản lý dữ liệu còn thiếu thốn: Đơn vị chưa được trang bị máy chủ (Server) tập trung và hệ thống máy trạm chuyên dụng. Cán bộ, công chức chủ yếu vẫn làm việc trên máy tính cá nhân có cấu hình và dung lượng thấp, gây khó khăn trong lưu trữ và xử lý tác vụ nặng.

3. Về dữ liệu và phần mềm ứng dụng

Cơ sở dữ liệu (CSDL) chưa đồng bộ và chưa kết nối ổn định với CSDL quốc gia về dân cư hoặc các CSDL chuyên ngành. Việc cập nhật, thay đổi thông tin công dân chưa kịp thời dẫn đến khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là lĩnh vực hộ tịch và đất đai.

Các hệ thống phần mềm dùng chung và Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng VNeID đôi lúc hoạt động chưa ổn định, thường xuyên bị gián đoạn hoặc phản hồi chậm vào các khung giờ cao điểm do lưu lượng truy cập lớn.

4. Về an toàn, an ninh mạng

Công tác bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế: Đơn vị chưa lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin; hạ tầng mạng chưa được trang bị thiết bị tường lửa (Firewall) chuyên dụng.

Việc sử dụng mạng chia sẻ đơn giản, thiếu các giải pháp bảo mật chuyên sâu tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn dữ liệu.

5. Về nguồn nhân lực và nhận thức xã hội

Nguồn nhân lực: Chưa bố trí được nhân lực chuyên trách có trình độ sâu về Công nghệ thông tin để tham mưu, vận hành và xử lý sự cố kịp thời.

Nhận thức cộng đồng: Nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ chuyển đổi số.

Kinh tế số: Do đặc thù địa bàn chủ yếu là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, quy mô gia đình nên việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, thương mại chưa mạnh mẽ.

Tỷ lệ chi ngân sách cho KHCCN và chuyển đổi số (1,12%) tuy đã được bố trí nhưng vẫn còn khiêm tốn so với nhu cầu đầu tư hệ thống bảo mật chuyên sâu (như Firewall, máy chủ) và duy trì vận hành các hệ thống thông minh. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế do quy mô doanh nghiệp chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ.

Mặc dù tỷ lệ kích hoạt VNeID mức 2 đạt khá cao (68,75% dân số), nhưng tỷ lệ người dân *thực sự sử dụng* tài khoản này để thực hiện dịch vụ công hàng ngày chưa tương xứng; vẫn còn tâm lý muốn đến trực tiếp cơ quan hành chính thay vì thao tác trực tuyến.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Lãnh đạo Đảng ủy, UBND phường tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên bố trí nguồn lực để hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ năm 2026. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên rà soát để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Các bộ phận chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ để cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch số 75/KH-UBND, ngày 26/9/2025 về việc Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ trên địa bàn phường phường Chí Linh. Chủ động đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả theo từng giai đoạn và báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh.

2. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Phủ sóng mạng lưới: Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai phủ sóng 5G trên toàn địa bàn, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đầu tư hạ tầng dữ liệu: Bố trí kinh phí đầu tư đồng bộ hệ thống máy chủ (Server), máy trạm (Thin client), thiết bị lưu trữ, hệ thống sao lưu dự phòng và các thiết bị bảo mật (Firewall) nhằm khắc phục hạn chế về hạ tầng, đảm bảo an toàn dữ liệu và vận hành ổn định các nền tảng số.

Nâng cấp đường truyền: Đảm bảo đường truyền Internet tốc độ cao, băng thông rộng cho các bộ phận chuyên môn, đặc biệt ưu tiên Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để đảm bảo việc giải quyết TTHC được thông suốt.

3. Phát triển dữ liệu số và đảm bảo an toàn thông tin

Dữ liệu và Kết nối: Triển khai đồng bộ các phần mềm dùng chung; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận chuyên môn, đảm bảo liên thông với hệ thống của thành phố. Thường xuyên cập nhật, làm sạch cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dân cư và dữ liệu hộ tịch để nâng cao tính chính xác khi khai thác.

An toàn thông tin: Tăng cường các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn thông tin mạng; chủ động rà soát, phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn, rò rỉ dữ liệu.

4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Đào tạo cán bộ: Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ, công chức về kỹ năng số, an toàn thông tin, kỹ năng khai thác dữ liệu và vận hành các hệ thống quản lý hiện đại.

Tổ Công nghệ số cộng đồng: Tiếp tục tập huấn, nâng cao kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân cho các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Cơ chế thu hút: Xây dựng cơ chế khuyến khích, thu hút nhân lực có chuyên môn cao về công nghệ thông tin tham gia hỗ trợ địa phương chuyển đổi số.

Kỷ cương hành chính: Gắn kết quả đánh giá cán bộ hàng năm với hiệu quả, sản phẩm công việc cụ thể và mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

5. Ứng dụng KHCN & Đổi mới sáng tạo trong cơ quan nhà nước

Hiện đại hóa nền hành chính: Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành; tăng cường sử dụng chữ ký số và các phần mềm quản trị nội bộ để giảm thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao tính minh bạch.

Đổi mới phương pháp làm việc: Khuyến khích các bộ phận đổi mới sáng tạo trong quản lý và cung cấp dịch vụ công. Ứng dụng công nghệ để thống kê, báo cáo

và theo dõi tiến độ nhiệm vụ theo thời gian thực.

6. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Chủ động xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, đảm bảo bố trí đủ kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ và chuyển đổi số theo quy định.

Ưu tiên nguồn vốn để nâng cấp hạ tầng số, mua sắm trang thiết bị CNTT cấp thiết và hệ thống bảo mật.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích hợp tác công - tư để huy động thêm nguồn lực hỗ trợ triển khai các hoạt động tại địa phương.

7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hộ kinh doanh

Tuyên truyền, hỗ trợ: Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ mới, phần mềm quản lý (nhân sự, tài chính, bán hàng) để nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ. Hỗ trợ các đơn vị tiếp cận các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

Kinh tế số: Thúc đẩy các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu.

8. Hợp tác và liên kết phát triển

Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành thành phố trong triển khai các đề án chuyên ngành.

Đẩy mạnh liên kết, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả với các địa phương lân cận.

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia đóng góp sáng kiến, giải pháp công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường năm 2025, triển khai nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân phường Chí Linh năm 2026.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng chuyên môn UBND;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hồng Vân

Phụ lục I:
Kết quả mục tiêu thực hiện
các Nội dung Nghị Quyết 57-NQ/TW năm 2025

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
I	Phát triển nguồn lực			
1	Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách phường	3%	1.12%	Không đạt
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%	Đạt
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	100%	Đạt
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	80%	Đạt
5	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST trên 01 vạn dân.	Có từ 07 người	0	Không đạt
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	100%	8/8 trường	Đạt
7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên.	100%	100% 4/4 trường	Đạt
8	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	≥ 90%	100% 8/8 trường	Đạt
9	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	≥ 80%	100% 3/3 trường	Đạt
II	Phát triển khoa học công nghệ			
1	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn phường.	>02	0	Không đạt
III	Phát triển Chuyển đổi số			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	≥ 70%	100%	Đạt
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	Đạt
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥ 70%	100%	Đạt

4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	Đạt
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	Đạt
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	86,98%	Đạt
7	Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất từ TW, TP.	100%	100% có sử dụng	Đạt
8	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử VneId	$\geq 70\%$	81,08%	Đạt
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông tới thành phố, Trung ương.	$\geq 50\%$	100%	Theo Kế hoạch của thành phố
10	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số .	$\geq 30\%$	60%	Đạt

Phụ lục II:
Kết quả mục tiêu thực hiện
các Nội dung Nghị Quyết 57-NQ/TW năm 2025

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
1	Triển khai thực hiện chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
2	Xây dựng kế hoạch phát động phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
3	Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức	Tháng 7/2025	Hoàn thành	Đạt
4	Phối hợp nghiên cứu xây dựng phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước gắn với việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức theo quy định	Tháng 8/2025	Hoàn thành	Đạt

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
5	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
6	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước	Nhiệm vụ thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
7	Triển khai các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trên các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
8	Tổ chức thực hiện/ tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số	Tháng 12/2025	Hoàn thành	Đạt
II	Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; tăng cường lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
9	Rà soát các quy định pháp luật do địa phương ban hành để tham mưu tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tháng 7/2025	Hoàn thành	Đạt
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
10	Phối hợp triển khai các chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
	phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược			
11	Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của xã để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
12	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
13	Rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
14	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch/văn bản triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số	Tháng 10/2025	Hoàn thành	Đạt
15	Phối hợp nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH và 708/BTTTT-CATTT	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
16	Phối hợp rà soát, đề xuất chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
17	Phối hợp rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
18	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số	Tháng 11 của năm trước	Hoàn thành	Đạt
19	Phối hợp xây dựng, ban hành và triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Thường xuyên	Chưa hoàn thành	Chưa đạt
20	Triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
21	Phối hợp xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
22	Thực hiện Chương trình cắt giảm giấy phép tại địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030 theo chỉ đạo của Chính phủ	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
23	Triển khai Kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
	số và tài khoản số hình thành công dân số			
24	Triển khai Kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
25	Triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của cấp trên	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
26	Phối hợp hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
27	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Đang thực hiện	Đạt
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp			
28	Phối hợp tham mưu tổ chức các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh thúc đẩy chuyển đổi số	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
29	Phối hợp triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành	Tháng 10/2025	Hoàn thành	Đạt
30	Phối hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
31	Phối hợp công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của thành	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
	phổ			
32	Triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo quy định	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
33	Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt
VII.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
34	Phối hợp tuyên truyền, triển khai các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Năm 2025	Hoàn thành	Đạt
35	Phối hợp đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thành phố và của phường về đổi mới sáng tạo	Thường xuyên	Hoàn thành	Đạt